

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI
(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Quản trị kinh doanh 3 - K12

Ngành: Quản trị kinh doanh

Hệ DT: Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KD	XL TBCHT
				3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3								59				
1	1010090123	Lê Thị Mỹ	Phượng	6	8	5	7	6	9	6	6	5	9	7	6	5	7	7	8	6	8	6								6.43				TB Khá
2	1010090125	Đoàn Yến	Phượng	6	9	7	8	8	8	9	7	7	8	6	8	8	8	7	8	8	9	6								7.47				Khá
3	1010090127	Phạm Thị Bích	Phượng	5	10	6	8	8	9	9	8	7	7	6	8	8	8	9	9	7	9	6								7.65				Khá
4	1010090128	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	5	10	5	7	8	8	9	6	7	9	6	8	7	8	8	8	8	9	6								7.28				Khá
5	1010090129	Thái Thị	Quang	7	10	7	8	7	8	9	8	6	10	7	10	7	8	8	8	8	8	7								7.59				Khá
6	1010090130	Nguyễn Hồng	Quang	6	6	6	3	7	4	9	7	4	6	6	7	5	6	6	7	6	7	5								5.84		3	11	TB
7	1010090131	Đỗ Phú	Quang	6	7	6	7	6	7	9	6	5	7	8	8	7	7	6	5	6	9	6								6.53				TB Khá
8	1010090132	Phan Công	Quốc	8	9	8	8	7	9	8	6	5	10	7	6	6	7	7	7	7	9	7								7.06				Khá
9	1010090133	Võ Thị	Quý	7	9	7	8	5	9	8	9	5	9	6	6	5	8	8	7	6	8	6								7.03				Khá
10	1010090134	Trần Kim	Sang	7	9	8	7	6	4	6	5	6	7	5	8	5	7	2	4	6	5	5								5.69		3	11	TB
11	1010090135	Phùng Thị Kim	Sang	7	10	7	9	7	9	9	8	7	6	8	10	9	9	9	8	8	9	6								8.08				Giỏi
12	1010090138	Trần Thị Hồng	Sen	7	7	6	6	5	6	8	5	5	6	6	9	6	6	7	7	6	6	6								6.27				TB Khá
13	1010090139	Nguyễn Thanh	Sơn	5	9	5	7	6	7	7	8	6	6	7	8	6	7	9	8	5	8	6								6.78				TB Khá
14	1010090140	Nguyễn Văn	Sơn	7	9	5	8	6	5	8	6	5	9	7	10	6	6	5	7	6	6	6								6.26		1	4	TB Khá
15	1010090141	Vũ Chí	Tài	7	9	6	7	5	7	9	6	7	9	7	6	6	8	7	6	7	7	6								6.69				TB Khá
16	1010090142	Vương Chí	Tâm	7	9	5	6	6	6	7	6	5	8	7	5	6	7	6	8	6	10	6								6.44				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	Tư tưởng HCM		Thống kê kinh doanh		Toán kinh tế		Hệ thống thông tin quản lý		Tin học ứng dụng trong kinh doanh		Nguyên lý kế toán		Thuế		Thương mại điện tử		Anh văn cơ bản 3		Giáo dục thể chất 3		Pháp luật đại cương		Quản trị dự án		Thị trường chứng khoán		Đường lối cách mạng đảng công sản VN		Quản trị chiến lược		Quản trị sản xuất		Quản lý chất lượng		Quản trị nhân sự		Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh										ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KD	XL TBCHT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
			3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	Tư tưởng HCM	Thống kê kinh doanh	Toán kinh tế		Hệ thống thông tin quản lý	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	Nguyên lý kế toán	Thuế	Thương mại điện tử	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Pháp luật đại cương	Quản trị dự án	Thị trường chứng khoán	Đường lối cách mạng đảng công sản VN	Quản trị chiến lược	Quản trị sản xuất	Quản lý chất lượng	Quản trị nhân sự	Đàm phán và giao tiếp trong kinh doanh								ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
			3	3	4	3	3	4	3	2	4	1	3	3	2	4	4	3	3	4	3													
39	1010090171	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	5	9	5	7	5	5	7	6	5	6	6	7	5	7	6	7	7	8	6									6.22				TB Khá
40	1010090172	Hồ Huy Thông	6	8	5	7	5	6	6	6	5	8	7	7	7	5	5	8	6	8	6									6.08				TB Khá
41	1010090174	Trần Thị Lệ Thu	7	9	7	8	7	9	9	8	4	6	7	7	7	8	8	7	7	8	6									7.21		1	4	Khá
42	1010090175	Trần Thị Cẩm Thu	8	8	7	7	7	10	8	9	6	7	7	7	7	8	8	9	8	9	5									7.48				Khá
43	1010090177	Dương Phúc Thuận	6	10	8	7	7	7	9	8	6	8	7	7	8	8	8	8	7	8	5									7.22				Khá
44	1010090178	Hồ Thị Thanh Thúy	6	9	5	6	5	7	5	5	7	5	6	5	5	6	6	6	6	7	6									5.94				TB
45	1010090179	Nguyễn Thị Thu Thủy	7	10	7	8	8	8	7	7	7	6	7	10	8	9	9	9	8	10	6									7.91				Khá
46	1010090180	Lê Nguyễn Mỹ Tiên	5	9	5	8	6	8	7	8	6	8	8	9	8	7	8	9	6	9	5									7.05				Khá
47	1010090181	Nguyễn Ngọc Bích Tiên	7	9	5	7	7	8	9	7	6	9	6	9	6	8	6	9	5	8	6									6.97				TB Khá
48	1010090183	Phạm Huỳnh Thủy Tiên	6	9	5	7	5	8	9	6	5	6	7	9	6	7	7	9	5	6	6									6.59				TB Khá

Tổng danh sách này có:48 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	23	48
Giỏi	1	2.08	Trung bình	5	10
Khá	18	37.50	Yếu kém	1	2

TP. Hồ Chí Minh, ngày / /

Trưởng Phòng Đào Tạo

Người lập bảng